

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Từ

2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D; Nơi cư trú: Thôn T, N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày **02 tháng 11 năm 2022**, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh D tại xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung

sống vui vẻ hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi đánh nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ năm 2022 nên chị và anh D đã sống ly thân không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, chị không đồng ý đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến D có hai con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015 và Đ sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016. Ly hôn chị có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Đ cho chị nuôi dưỡng và giao con chung cho Nguyễn Tiến T cho anh D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh D không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2022 bị đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như lời khai chị T đã trình bày. Do anh vẫn còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng.

Về con chung: Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung Nguyễn Tiến T và Đ cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, **Điều 227, Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D. Về con chung: Giao con chung Đ, sinh ngày **12 tháng 12 năm 2016** cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Tiến T sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015 cho anh Dương nuôi dưỡng. Về tài sản và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Tiến D, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Tiến D hiện đang cư trú tại huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Tiến D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tiến D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 11 năm 2014, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; hiện tại đã ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Anh Dương không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải nhưng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến D có 02 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015 và Đ, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016. Chị T và anh D đều có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Hiện tại chị T và anh D đều có công việc và thu nhập, được bố mẹ giúp đỡ chăm sóc con chung. Xét điều kiện nuôi con của hai bên là như nhau nên giao cho chị T và anh D mỗi người nuôi một con chung, cụ thể giao cho chị T nuôi dưỡng con chung Đ và giao cho anh D nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến T.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến D đều có quan điểm không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh D đều có quan điểm không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao con chung Đ, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Tiến T, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015 cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số **0004318** ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã T;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên

